

PHỤ LỤC SỐ 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98 /2014/TT-BTC ngày 25 / 7 /2014 của Bộ Tài chính
về hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ)

1. Mẫu chứng từ

Đơn vị :.....

Bộ phận:.....

Mã ĐV có QH với NS:.....

Mẫu số C60-HD

(Ban hành theo Thông tư số 98 /2014/TT-BTC
ngày 25 /07 /2014 của Bộ Tài chính)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Số:.....

Thời điểm kiểm kê.....giờ.....ngày.....tháng.....năm

Ban kiểm kê gồm:

- Ông /Bàchức vụđại diện.....Trưởng ban

- Ông /Bà chức vụđại diện.....Ủy viên

- Ông/Bà.....chức vụ.....đại diện.....Ủy viên

Đã kiểm kê TSHTĐB, kết quả như sau:

S TT	Tên tài sản hạ tầng đường bộ	Ký hiệu	Cấp, loại	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
							Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	E	F	G	1	2	3	4	5	6	7	8	9	H
	Cộng						x	x	x	x	x	x	x	x	x	

Thủ trưởng đơn vị
(Ý kiến giải quyết số chênh lệch)
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trưởng Ban kiểm kê
(Ký, họ tên)

Đơn vị :.....
Bộ phận:.....
Mã ĐV có QH với NS:.....

Mẫu số C61-HD
(Ban hành theo Thông tư số 98/2014/TT-BTC
ngày 25/7/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG TÍNH HAO MÒN TÀI SẢN HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Năm.....

Số:.....

Số TT	Loại TSHTĐB	Số thẻ TSHTĐB	Nguyên giá	Tỷ lệ hao mòn	Giá trị hao mòn
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
	Cộng			x	

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày tháng....năm....
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2. Giải thích nội dung và phương pháp lập chứng từ kế toán

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ (Mẫu số C60-HD)

1. Mục đích: Biên bản kiểm kê tài sản hạ tầng đường bộ nhằm xác nhận số lượng, giá trị tài sản hạ tầng đường bộ hiện có, thừa thiếu của đơn vị so với sổ kế toán trên cơ sở đó tăng cường quản lý tài sản hạ tầng đường bộ, làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất và ghi sổ kế toán số chênh lệch.

2. Phương pháp lập và trách nhiệm ghi

Khi tiến hành kiểm kê phải thành lập Ban kiểm kê, trong đó kế toán theo dõi tài sản hạ tầng đường bộ là thành viên, ghi rõ thời điểm kiểm kê (...giờ... ngày... tháng... năm...), họ và tên từng thành viên của Ban kiểm kê. Khi tiến hành kiểm kê phải tiến hành kiểm kê theo từng đối tượng ghi tài sản hạ tầng đường bộ.

Góc trên, bên trái của Biên bản kiểm kê TSHTĐB ghi rõ tên đơn vị (hoặc đóng dấu đơn vị), bộ phận và mã đơn vị có quan hệ với ngân sách.

Cột A, B, C, D, E,: Ghi số thứ tự, tên TSHTĐB, ký hiệu TSHTĐB, cấp, loại, năm xây dựng.

Cột F: Nếu có thông tin về năm đưa vào sử dụng thì ghi năm đưa tài sản vào sử dụng; Nếu không có thông tin về năm đưa vào sử dụng thì ghi năm đưa vào hạch toán tại đơn vị.

Cột G: Ghi nơi sử dụng TSHTĐB.

Cột 1, 2, 3: Ghi số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại của TSHTĐB theo sổ kế toán.

Cột 4, 5, 6: Ghi số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại của TSHTĐB theo kết quả kiểm kê

Cột 7, 8, 9: Ghi số chênh lệch về số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại của TSHTĐB giữa sổ kế toán với kết quả kiểm kê

Trên Biên bản kiểm kê TSHTĐB cần phải xác định và ghi rõ nguyên nhân gây ra thừa hoặc thiếu TSHTĐB, có ý kiến nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm kê. Biên bản kiểm kê TSHTĐB phải có chữ ký (ghi rõ họ tên) của Trưởng ban kiểm kê, kế toán trưởng và Thủ trưởng đơn vị. Mọi khoản chênh lệch về TSHTĐB của đơn vị đều phải báo cáo Thủ trưởng đơn vị xem xét.

BẢNG TÍNH HAO MÒN TSHTĐB (Mẫu số C61-HD)

1. Mục đích: Bảng tính hao mòn TSHTĐB dùng để phản ánh số hao mòn đã tính của từng loại TSHTĐB cho các đối tượng TSHTĐB. Bảng tính này áp dụng cho các đơn vị phải tính hao mòn TSHTĐB vào cuối năm để có cơ sở ghi giảm nguyên giá TSHTĐB.

2. Phương pháp lập và trách nhiệm ghi

Góc trên, bên trái của Bảng tính hao mòn TSHTĐB ghi rõ tên đơn vị (hoặc đóng dấu đơn vị), bộ phận và mã đơn vị có quan hệ với ngân sách.

Bảng tính hao mòn TSHTĐB được lập theo kỳ hạn quy định tính hao mòn TSHTĐB cho các đối tượng TSHTĐB (thường là cuối năm).

Cột A, B, C: Ghi số thứ tự, tên TSHTĐB và số thẻ TSHTĐB của đơn vị

Cột 1: Ghi nguyên giá của từng TSHTĐB

Cột 2: Ghi tỷ lệ hao mòn của từng TSHTĐB

Cột 3: Ghi giá trị hao mòn tính trong kỳ của từng TSHTĐB (Cột 3 = Cột 1 x cột 2)

Bảng này do kế toán TSHTĐB lập. Sau khi lập xong người lập bảng ký, ghi rõ họ tên và chuyển cho kế toán trưởng ký, ghi rõ họ tên.

Bảng này là cơ sở để ghi sổ TSHTĐB (phần hao mòn), sổ chi tiết TK 467 để tính giá trị còn lại của tài sản cố định và các sổ kế toán khác có liên quan.

PHỤ LỤC SỐ 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2014/TT-BTC ngày 25/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ)

1. Mẫu sổ kế toán

Đơn vị:

Mẫu số: S80- H

(Ban hành theo Thông tư số 98/2014/TT-BTC ngày 25/7/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ TÀI SẢN HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Năm ...

Loại tài sản hạ tầng đường bộ: ...

STT	GHI TĂNG TÀI SẢN HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ								HAO MÓN TÀI SẢN HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ								GHI GIẢM TSHTĐB			
	CHỨNG TỪ		Tên, ký hiệu TSHTĐ B	Cấp, loại	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng ở đơn vị	Thẻ TSHT ĐB	Nguyên giá TSHT ĐB	HAO MÓN 1 năm		Số hao mòn các năm trước chuyển sang	Năm	Năm	Năm	Năm	Lũy kế hao mòn đến khi chuyển số hoặc ghi giảm TSHTĐB	CHỨNG TỪ		Lý do ghi giảm TSHT ĐB	Giá trị còn lại của TSHT ĐB
	Số hiệu	Ngày tháng							Tỷ lệ %	Giá trị hao mòn							Số hiệu	Ngày tháng		
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3	4	5	6	7	8	9	I	K	L	10
			Cộng					X		X	X	X	X	X	X	X				

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:

Ngày ... tháng ... năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2. Giải thích nội dung và phương pháp ghi sổ kế toán

SỔ TÀI SẢN HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ (Mẫu số S80- H)

1- Mục đích: Sổ tài sản hạ tầng đường bộ dùng để đăng ký, theo dõi và quản lý chặt chẽ tài sản hạ tầng đường bộ tại đơn vị từ khi đưa vào sử dụng đến khi ghi giảm tài sản hạ tầng đường bộ.

2- Căn cứ và phương pháp ghi sổ

- Căn cứ ghi sổ là Biên bản bàn giao TSHTĐB và Biên bản thanh lý tài sản hạ tầng đường bộ.

- Sổ tài sản hạ tầng đường bộ gồm ba phần: Phần ghi tăng TSHTĐB, phần theo dõi hao mòn và phần ghi giảm TSHTĐB.

- Sổ được đóng thành quyển mỗi loại tài sản được ghi riêng một sổ trang hay một quyển.

- Mỗi tài sản ghi một dòng, giữa 2 tài sản để cách một số dòng để có thể ghi điều chỉnh nguyên giá TSHTĐB.

+ Cột A: Số thứ tự từng tài sản được ghi sổ.

+ Cột B, C: Số hiệu, ngày tháng của các chứng từ ghi tăng TSHTĐB.

+ Cột D: Ghi tên, ký hiệu TSHTĐB.

+ Cột E: Ghi cấp, loại của TSHTĐB

+ Cột F: Ghi năm xây dựng (cải tạo, sửa chữa) TSHTĐB.

+ Cột G: Nếu có thông tin về năm đưa vào sử dụng trên chứng từ thì ghi năm đưa tài sản vào sử dụng; Nếu không có thông tin về năm đưa vào sử dụng trên chứng từ thì ghi năm đưa vào hạch toán tại đơn vị.

+ Cột H: Số thẻ TSHTĐB.

+ Cột 1: Ghi nguyên giá theo Biên bản bàn giao TSHTĐB.

Trường hợp phải điều chỉnh nguyên giá TSHTĐB, căn cứ vào chứng từ ghi bổ sung hoặc ghi giảm (ghi đỏ) vào Cột nguyên giá ở dòng kế tiếp.

+ Cột 2, 3: Ghi tỷ lệ (%) và mức hao mòn được tính cho một năm theo qui định chung của Nhà nước.

Mức hao mòn (Cột 3) = Nguyên giá (Cột 1) x Tỷ lệ hao mòn (Cột 2)

+ Cột 4: Phản ánh giá trị hao mòn TSHTĐB tính lũy kế từ các năm trước đến năm mở sổ mới.

+ Từ Cột 5 đến Cột 8: Ghi số hao mòn của TSHTĐB qua từng năm. Số liệu ghi vào các cột này, căn cứ vào Bảng tính hao mòn hàng năm để ghi.

+ Cột 9: Lũy kế số hao mòn của TSHTĐB từ khi sử dụng đến khi hết sổ phải chuyển sang sổ mới. Số liệu này cộng các Cột 4, 5, 6, 7, 8.

Số liệu ghi ở Cột này căn cứ vào số liệu lũy kế ở cột 9 của sổ TSHTĐB cũ chuyển sang.

- Trường hợp TSHTĐB phải ghi giảm số hao mòn lũy kế đến năm ghi giảm tính từ cột 4 trở đi đến năm ghi giảm được ghi vào cột 9.

Phần ghi giảm TSHTĐB: Phần này chỉ ghi vào những dòng có ghi giảm TSHTĐB

+ Cột I, K: Ghi số hiệu, ngày tháng của chứng từ ghi giảm TSHTĐB như Biên bản thanh lý TSHTĐB, Biên bản bàn giao TSHTĐB.

+ Cột L: Ghi lý do giảm TSHTĐB.

+ Cột 10: Ghi giá trị còn lại của những TSHTĐB khi ghi giảm. Số liệu ghi cột này bằng Nguyên giá (Cột 1) trừ đi (-) số hao mòn lũy kế ở Cột 9.

- Những TSHTĐB đã ghi giảm được xóa sổ bằng 1 gạch đỏ từ cột D đến cột 9.